

Số: **37** /2020/QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày **11** tháng **12** năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 36/2018/QĐ-UBND ngày 11 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân thành phố về quản lý điểm truy nhập Internet công cộng và điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng trên địa bàn thành phố Hải Phòng

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 23 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Luật An toàn thông tin mạng ngày 19 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật An ninh mạng ngày 12 tháng 6 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ về quản lý, cung cấp sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng;

Căn cứ Nghị định số 27/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 59/TTr-STTTT ngày 09 tháng 10 năm 2020, Công văn số 2423/STTTT-BCVT ngày 30 tháng 11 năm 2020 của Sở Thông tin và Truyền thông và Sở Tư pháp tại Báo cáo thẩm định số 132/BC-STP ngày 22 tháng 9 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 36/2018/QĐ-UBND ngày 11 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân thành phố về quản lý điểm truy nhập Internet công cộng và điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng trên địa bàn thành phố Hải Phòng như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 1 như sau:

“2. Những quy định về quản lý điểm truy nhập Internet công cộng và điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng trên địa bàn thành phố không quy định tại Quyết định này thì thực hiện theo quy định tại Luật Viễn thông năm 2009,

a



Luật An toàn thông tin mạng năm 2015, Luật An ninh mạng năm 2018, Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng (Nghị định số 72/2013/NĐ-CP), Nghị định số 27/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng (Nghị định số 27/2018/NĐ-CP) và các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2 Điều 3 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 3 như sau:

“1. Đại lý Internet có quyền và nghĩa vụ được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 1 Nghị định số 27/2018/NĐ-CP; không thực hiện các hành vi bị nghiêm cấm quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 8 Luật An ninh mạng và kịp thời thông báo đến cơ quan chức năng để xử lý theo quy định”.

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 3 như sau:

“2. Chủ điểm truy nhập Internet công cộng của doanh nghiệp có quyền và nghĩa vụ được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 1 Nghị định số 27/2018/NĐ-CP; có nghĩa vụ không vi phạm các quy định cấm tại Điều 8 Luật An ninh mạng và kịp thời thông báo đến cơ quan chức năng để xử lý theo quy định khi phát hiện hành vi vi phạm”.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 5, khoản 6 Điều 3 như sau:

“5. Chủ điểm truy nhập Internet công cộng tại khách sạn, nhà hàng, sân bay, bến tàu, bến xe, quán cà phê và các điểm công cộng khác khi cung cấp dịch vụ truy nhập Internet có thu cước có quyền và nghĩa vụ được quy định tại Khoản 3 Điều 9 Nghị định số 72/2013/NĐ-CP; không thực hiện các hành vi bị nghiêm cấm quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 8 Luật An ninh mạng và kịp thời thông báo đến cơ quan chức năng để xử lý theo quy định”.

6. Chủ điểm truy nhập Internet công cộng tại khách sạn, nhà hàng, sân bay, bến tàu, bến xe, quán cà phê và các điểm công cộng khác khi cung cấp dịch vụ truy nhập Internet không thu cước có quyền và nghĩa vụ được quy định Khoản 4 Điều 9 Nghị định số 72/2013/NĐ-CP; không thực hiện các hành vi bị nghiêm cấm quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 8 Luật An ninh mạng và kịp thời thông báo đến cơ quan chức năng để xử lý theo quy định.

4. Điều 4 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ Internet

1. Thực hiện các quy định tại khoản 1 Điều 14, Điều 26 Luật Viễn thông;

khoản 4 Điều 11, khoản 2 Điều 12 Luật An toàn thông tin mạng; khoản 8 Điều 16, khoản 3 Điều 19, điểm b khoản 2 Điều 21, khoản 2, khoản 3 Điều 26, khoản 2 Điều 29, Điều 41 Luật An ninh mạng; Điều 7, khoản 1 Điều 11, khoản 2 Điều 13, khoản 2 Điều 17, Điều 44 Nghị định số 72/2013/NĐ-CP và Mục 4 QCVN 34:2019/BTTTT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng dịch vụ truy nhập Internet băng rộng cố định mặt đất ban hành kèm theo Thông tư số 08/2019/TT-BTTTT ngày 16 tháng 8 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông.

2. Ngoài việc thực hiện các quy định tại khoản 1 Điều này, các các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ Internet có quyền và nghĩa vụ như sau:

a) Cung cấp đầy đủ thông tin về dịch vụ truy nhập Internet cho các điểm truy nhập Internet công cộng, điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng khi thực hiện việc ký hợp đồng cung cấp dịch vụ Internet.

b) Hằng năm, tổ chức tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật về Internet và đào tạo, tập huấn nghiệp vụ cho các chủ điểm truy nhập Internet công cộng, điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng do doanh nghiệp ký hợp đồng cung cấp dịch vụ Internet ít nhất 01 (một) lần.

c) Thực hiện việc quản lý, kiểm tra các điểm truy nhập Internet công cộng, điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng của doanh nghiệp và của các tổ chức, cá nhân đã ký hợp đồng sử dụng dịch vụ Internet với doanh nghiệp trên địa bàn thành phố; định kỳ hàng năm (trước ngày 05 tháng 12 hàng năm) báo cáo tình hình hoạt động của điểm truy nhập Internet công cộng và điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng trên địa bàn thành phố về Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố.

d) Phối hợp cung cấp các cơ sở dữ liệu để phục vụ cho công tác thanh tra, kiểm tra và tạo điều kiện thuận lợi để các ngành chức năng, các cấp chính quyền thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra về quản lý dịch vụ Internet trên địa bàn”.

5. Điều 8 được sửa đổi, bổ sung như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 1 Điều 8 như sau:

“d) Phát hiện, xử lý các tổ chức, cá nhân (Việt Nam và nước ngoài) lợi dụng mạng Internet để tổ chức đánh bạc; lấy cắp thông tin cá nhân; trộm cắp qua tài khoản; truyền bá các tài liệu có nội dung phản động, đồi trụy; các trò chơi có tính khiêu dâm, bạo lực; thực hiện các hành vi bị nghiêm cấm về an ninh mạng, an toàn thông tin mạng và các hành vi vi phạm pháp luật khác”.

b) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 3 Điều 8 như sau:

“b) Triển khai các biện pháp cảnh báo, giám sát học sinh, sinh viên để tránh khỏi các tác động tiêu cực của nội dung thông tin, ứng dụng có hại trên Internet

a

và trò chơi điện tử, không thực hiện các hành vi bị nghiêm cấm về an ninh mạng, an toàn thông tin mạng”.

6. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 10 như sau:

“3. Phối hợp với các sở, ban, ngành, nhà trường và hội phụ huynh học sinh ở địa phương trong công tác tuyên truyền giáo dục, quản lý ngăn chặn học sinh, sinh viên sử dụng dịch vụ truy nhập Internet, trò chơi điện tử trái quy định của pháp luật, các quy định của pháp luật về an ninh mạng, an toàn thông tin mạng ảnh hưởng đến học tập, đạo đức, lối sống và gây ra hậu quả tiêu cực”.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 12 năm 2020.

2. Quyết định này bãi bỏ khoản 2 Điều 1; khoản 1, khoản 2, khoản 5, khoản 6 Điều 3; Điều 4; điểm d khoản 1 và điểm b khoản 3 Điều 8 và khoản 3 Điều 10 của Quyết định số 36/2018/QĐ-UBND ngày 11 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân thành phố về quản lý điểm truy nhập Internet công cộng và điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

3. Giao Sở Thông tin và Truyền thông chịu trách nhiệm triển khai, hướng dẫn, đôn đốc và kiểm tra thực hiện Quyết định này.

4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, xã, phường, thị trấn; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận

- Như Điều 2;
- VPCP;
- Các Bộ: TT&TT, TP;
- TTTU, TTHĐND TP, Các ban HĐND;
- CT, các PCT UBND TP;
- VP TU, các ban TU;
- VP Đoàn ĐBQH, VP HĐND TP;
- VP UBND TP;
- CVP, các PCVP UBND TP;
- Công báo TP, Báo HP, Đài PT&TH HP, Công TTĐT TP;
- Phòng: KSTTHC;
- CV: KSTTHC2;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Tùng